

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460801)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110060	Nguyễn Thiên Ân	15/02/2006	CCQ2411B			0,0			
2	2123110357	Võ Vỹ	06/12/2003	CCQ2311J	1971		6,5	4,0	5,0	
3	2124110011	Dương Khánh	12/04/2006	CCQ2411A	1972		8,4	4,2	5,9	
4	2123110096	Hồ Quốc	18/05/2005	CCQ2311C	1973		6,4	3,2	4,5	
5	2124110288	Lê Văn	27/10/2006	CCQ2411A	1574		6,6	6,0	6,2	
6	2124110278	Phạm Ngọc Tiến	25/09/2006	CCQ2411A	1971		8,0	7,2	7,5	
7	2124110265	Đặng Xuân	22/09/2006	CCQ2411A	1974		6,1	7,8	7,1	
8	2124110036	Nguyễn Tâm	19/08/2006	CCQ2411B	1973		7,2	3,0	4,7	
9	2124110038	Nguyễn Bùi Tiến	09/05/2006	CCQ2411B			0,0			
10	2124110274	Nguyễn Tấn	09/01/2006	CCQ2411A			0,0			
11	2123110088	Trần Bảo	13/11/2005	CCQ2311C			0,0			
12	2124110286	Trương Thị Hồng	10/10/2006	CCQ2411A	1973		6,5	3,2	4,5	
13	2124110005	Tôn Long	01/08/2005	CCQ2411A			0,0			
14	2124110070	Huỳnh Công	01/01/2005	CCQ2411B	1973		7,0	5,4	6,0	
15	2122110522	Lê Văn	15/04/2004	CCQ2211M	1972		7,8	2,2	4,4	
16	2124110024	Lê Hoàng	31/08/2005	CCQ2411A	1971		6,4	6,2	6,3	
17	2124110033	Lữ Minh	02/03/2006	CCQ2411A			0,0			
18	2124110285	Dương Nguyễn Hòa	13/09/2006	CCQ2411A	1971		6,1	5,6	5,8	
19	2124110044	Nguyễn Phi	09/11/2006	CCQ2411B	1972		5,9	3,8	4,6	
20	2124110277	Lăng Văn	09/05/2003	CCQ2411A	1971		7,7	4,8	6,0	
21	2124110269	Nguyễn Khánh	22/03/2006	CCQ2411B	1972		7,8	5,0	6,1	
22	2124110061	Trần Đức	18/10/2006	CCQ2411B	1971		7,9	2,8	4,8	
23	2124110018	Trần Dương Gia	22/10/2005	CCQ2411A			0,0			
24	2124110006	Nguyễn Phúc Duy	05/07/2003	CCQ2411A			0,0			
25	2124110047	Hồ Quốc	02/09/2006	CCQ2411B	1972		6,2	7,8	7,2	
26	2124110052	Nguyễn Thanh	10/08/2006	CCQ2411B			0,0			
27	2124110040	Phạm Đăng	21/12/2006	CCQ2411B	1972		7,6	7,2	7,4	
28	2124110283	Đặng Thanh	23/05/2006	CCQ2411B	1971		6,1	5,0	5,4	

73

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

T. Mạnh

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460801)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 24...

Số bài thi: 24....

Số tờ giấy thi: 24.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124110023	Đỗ Minh Kiệt	01/01/2006	CCQ2411A	1974	Kie	9,6	6,8	7,9	
30	2124110280	Phan Văn Gia	06/07/2006	CCQ2411B			0,0			
31	2124110064	Bạch Trung	27/02/2006	CCQ2411B	1974	Trung	6,5	4,2	5,1	
32	2124110019	Phan Văn	08/09/2006	CCQ2411A	1973	Văn	7,8	5,8	6,6	
33	2122110583	Phan Vũ Bảo	16/03/2004	CCQ2211N	1974	Minh	6,8	2,4	4,2	
34	2124110267	Phạm Dương Nhật	01/01/2006	CCQ2411B	1973	Phạm	9,7	7,6	8,4	

74

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Đ. 27
H: 04

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460802)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 31.

Số bài thi: 31.....

Số tờ giấy thi: 31..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi

G. Viên chấm thi 2

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

T. Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110291	Trần Văn Luân	05/01/2005	CCQ2311I	972	<i>[Signature]</i>	8,6	4,6	6,2	
2	2124110071	Lương Đức Mạnh	06/10/2006	CCQ2411C			0,2	Cấm thi		
3	2124110104	Nguyễn Phước Minh	19/10/2006	CCQ2411C	973	<i>[Signature]</i>	7,7	3,2	5,0	
4	2124110081	Nguyễn Thị Thủy	05/06/2006	CCQ2411C	974	<i>[Signature]</i>	7,9	7,0	7,4	
5	2124110122	Nguyễn Duy Nghĩa	17/01/2006	CCQ2411D	971	<i>[Signature]</i>	3,7	2,2	2,8	
6	2124110100	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	21/06/2006	CCQ2411C	972	<i>[Signature]</i>	8,0	5,8	6,7	
7	2124110092	Đào Thanh Nhật	18/06/2006	CCQ2411C	973	<i>[Signature]</i>	6,9	5,0	5,8	
8	2122110580	Dương Đào Huỳnh Như	02/09/2004	CCQ2211N	974	<i>[Signature]</i>	8,6	3,8	5,7	
9	2124110075	Trần Thị Thảo Như	10/09/2006	CCQ2411C	971	<i>[Signature]</i>	8,9	5,6	6,9	
10	2124110072	Trần Thị Ngọc Nhung	31/01/2006	CCQ2411C	972	<i>[Signature]</i>	7,8	4,8	6,0	
11	2124110103	Đặng Vũ Thanh Phát	27/08/2006	CCQ2411C			0,3	Cấm thi		
12	2124110118	Phan Thanh Phát	03/05/2006	CCQ2411D	973	<i>[Signature]</i>	9,3	5,8	7,2	
13	2124110264	Đặng Văn Minh Phúc	18/07/2006	CCQ2411C	974	<i>[Signature]</i>	9,3	4,8	6,6	
14	2124110108	Nguyễn Lê Tấn Phúc	19/10/2006	CCQ2411D	971	<i>[Signature]</i>	9,7	7,6	8,4	
15	2124110282	Nguyễn Thiên Phước	04/03/2006	CCQ2411C	972	<i>[Signature]</i>	10,0	8,8	9,3	
16	2124110252	Nguyễn Xuân Quý	30/04/2003	CCQ2411C	973	<i>[Signature]</i>	10,0	7,0	8,2	
17	2124110090	Hồ Ngọc Quyên	13/07/2006	CCQ2411C	974	<i>[Signature]</i>	10,0	7,6	8,6	
18	2124110249	Đặng Văn Quyên	26/08/2006	CCQ2411C	971	<i>[Signature]</i>	7,2	3,8	5,2	
19	2124110105	Đào Xuân Sơn	01/07/2006	CCQ2411C	972	<i>[Signature]</i>	6,2	3,2	4,4	
20	2124110109	Nguyễn Vũ Trường Sơn	23/06/2006	CCQ2411D	973	<i>[Signature]</i>	7,9	4,0	5,6	
21	2124110256	Tạ Văn Thắng	17/12/2004	CCQ2411D	974	<i>[Signature]</i>	9,3	8,8	9,0	
22	2124110119	Hồ Mai Phúc Thịnh	05/10/2006	CCQ2411D	971	<i>[Signature]</i>	8,9	9,0	9,0	
23	2124110260	Nguyễn Chí Thọ	03/03/2006	CCQ2411D	972	<i>[Signature]</i>	9,0	5,4	6,8	
24	2124110080	Nguyễn Ngọc Minh Thư	17/01/2006	CCQ2411C	973	<i>[Signature]</i>	9,2	5,6	7,0	
25	2124110106	Trịnh Quang Thuận	22/07/2006	CCQ2411D	974	<i>[Signature]</i>	6,7	3,2	4,6	
26	2124110088	Nguyễn Trần Ngọc Thương	03/07/2006	CCQ2411C			0,0	Cấm thi		
27	2124110287	Bùi Thị Diễm Trinh	23/07/2006	CCQ2411D	971	<i>[Signature]</i>	9,0	7,2	7,9	
28	2124110253	Nguyễn Minh Trọng	13/01/2006	CCQ2411D	972	<i>[Signature]</i>	9,7	7,6	8,4	

Học kỳ 2 (2025-2026)

Số tờ giấy thi: 34.

G.Viên chấm thi 2

Scanned with
 CamScanner™

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

T. Mạnh

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460801)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

D: 21
H: 06

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viễn chấm thi 1

G.Viễn chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110261	Hoàng Trọng Nghĩa	15/06/2006	CCQ2411B	1973		7,7	3,8	5,4	
2	2124110057	Lê Thanh Ngọc	24/04/2006	CCQ2411B	1974		6,6	3,2	4,6	
3	2124110054	Nguyễn Chánh Nhân	19/06/2006	CCQ2411B	1971	Nhơn	6,9	4,2	5,3	
4	2124110275	Phạm Thành Nhân	26/12/2006	CCQ2411B			0,0			
5	2124110062	Ngô Thị Yến Nhi	12/05/2006	CCQ2411B	1973		7,0	3,6	5,0	
6	2124110004	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	10/11/2006	CCQ2411A	1974	Nhi	8,8	4,8	6,4	
7	2124110050	Nguyễn Minh Nhựt	30/04/2003	CCQ2411B	1971	Như	7,4	4,2	5,5	
8	2124110016	Bùi Tấn Phát	14/05/2006	CCQ2411A	1972		6,6	6,0	6,2	
9	2124110017	Võ Văn Phong	06/03/2006	CCQ2411A			0,0			
10	2124110042	Lê Trọng Phúc	15/09/2006	CCQ2411B	1974	Phúc	7,2	4,4	5,5	
11	2124110068	Nguyễn Hoàng Phúc	03/04/2006	CCQ2411B	1971		6,2	6,0	6,1	
12	2124110009	Trần Đức Phương	10/06/2003	CCQ2411A	1972	Phương	9,5	5,8	7,3	
13	2124110067	Lê Nguyễn Nhật Quang	17/05/2006	CCQ2411B			0,0			
14	2124110235	Trần Nghĩa Sáng	19/10/2002	CCQ2411G			0,0			
15	2124110029	Trần Thảo Sương	31/01/2006	CCQ2411A	1971		9,2	6,2	7,4	
16	2124110035	Âu Dương Tâm	14/11/2005	CCQ2411A	1972	Tâm	6,6	3,0	4,4	
17	2124110037	Nguyễn Thanh Tâm	10/10/2006	CCQ2411B	1973		7,0	2,8	4,5	
18	2124110049	Nguyễn Trương Hải Thanh	30/08/2005	CCQ2411B	1974	Thạch	6,5	5,6	6,0	
19	2124110058	Nguyễn Hoàng Thích	01/05/2006	CCQ2411B	1971	Thích	5,5	4,2	4,7	
20	2124110015	Phạm Văn Thiện	27/07/2006	CCQ2411A	1972		6,7	3,8	5,0	
21	2124110270	Trần Mỹ Tiên	14/07/2006	CCQ2411A	1973	Tiên	9,5	7,6	8,4	
22	2124110045	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	31/08/2006	CCQ2411B	1974	Tiên	7,4	4,2	5,5	
23	2124110028	Nguyễn Trung Tín	18/11/2005	CCQ2411A	1971	Tín	7,7	4,2	5,6	
24	2124110031	Tô Thanh Tới	12/05/2006	CCQ2411A	1972	Tới	5,8	2,8	4,0	
25	2124110020	Nguyễn Minh Trí	22/06/2006	CCQ2411A	1973	Trí	7,2	6,2	6,6	
26	2123110137	Trương Minh Trí	30/09/2005	CCQ2311D	1974	Trí	8,1	3,2	5,2	
27	2124110059	Phạm Nguyễn Mộng Trúc	14/07/2006	CCQ2411B	1971		7,6	3,6	5,2	
28	2124110328	Nông Đặng Quốc Trung	05/10/2006	CCQ2411B			0,0			

35

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

T. Mạnh

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460801)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 27..

Số bài thi:27..

Số tờ giấy thi: 27..

Thư Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124110063	Lê Công	Trưởng	07/04/2006	CCQ2411B	1973	6,7	7,4	7,1	
30	2124110013	Nguyễn Thành	Tự	15/04/2006	CCQ2411A		0,0			-
31	2123150001	Đoàn Thanh	Tùng	20/06/2001	CCQ2311M	1971	8,8	4,4	6,2	
32	2124110025	Nguyễn Tấn	Vũ	24/02/2006	CCQ2411A	1972	6,7	3,4	4,7	
33	2124110066	Phạm Minh	Vũ	14/04/2006	CCQ2411B		0,0			
34	2124110043	Trần Thị Thảo	Vy	05/12/2006	CCQ2411B	1974	8,3	4,4	6,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

A.27
H:03

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460802)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 50

Số tờ giấy thi: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Phạm Văn Minh

Trần Thị Liên

Phạm Văn Minh

Trần Thị Liên

76

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110099	Trần Thiện An	16/03/2005	CCQ2411C	1971	AY	7,1	5,0	5,8	
2	2124110097	Võ Thị Thúy An	30/11/2006	CCQ2411C	1974	Thuy	9,9	7,0	8,2	
3	2124110146	Nguyễn Tuấn Anh	12/12/2006	CCQ2411D	1971	Anh	8,7	4,4	6,1	
4	2124110125	Nguyễn Lương Bằng	19/12/2006	CCQ2411D	1974	Bang	8,6	4,6	6,2	
5	2122110152	Đoàn Vương Bảo	21/05/2004	CCQ2211D	1971	Bao	7,0	3,6	5,0	
6	2124110087	Nguyễn Quốc Bảo	04/07/2006	CCQ2411C	1974	Bao	6,8	4,0	5,1	
7	2124110137	Phùng Đức Cảnh	25/01/2006	CCQ2411D	1971	Cai	10,0	9,2	9,5	
8	2124110094	Nguyễn Lê Chí Công	22/02/2006	CCQ2411C	1972	Con	10,0	7,4	8,4	
9	2124110113	Mai Chí Cường	19/09/2006	CCQ2411D	1973	Cuong	8,1	4,0	5,6	
10	2124110107	Đương Văn Đạt	12/11/2006	CCQ2411D			0,0	Cấm thi		
11	2124110127	Trần Tấn Đạt	24/06/2006	CCQ2411D	1973	Dat	8,2	2,8	5,0	
12	2124110076	Trần Trí Dũng	10/12/2006	CCQ2411C	1972	Dung	6,4	4,2	5,1	
13	2124110073	Phạm Văn Được	12/03/2006	CCQ2411C	1973	Pham	6,9	6,2	6,5	
14	2124110084	Nguyễn Duy	16/09/2006	CCQ2411C			0,9	Cấm thi		
15	2124110115	Nguyễn Thị Thu Hằng	24/07/2006	CCQ2411D	1973	Hue	8,7	5,4	6,7	
16	2124110101	Hoàng Minh Hiếu	07/03/2006	CCQ2411C			0,0	Cấm thi		
17	2124110126	Phan Ngọc Hiếu	10/05/2006	CCQ2411D	1973	Hieu	4,5	4,8	4,7	
18	2124110130	Lê Thanh Hoàng	08/12/2003	CCQ2411D	1972	Hong	8,8	6,8	7,6	
19	2124110111	Vương Nguyễn Trường Hưng	19/10/2006	CCQ2411D	1973	Hung	9,6	9,0	9,2	
20	2124110086	Đặng Tấn Huy	08/11/2006	CCQ2411C	1972	Huy	8,8	3,8	5,8	
21	2124110112	Nguyễn Khánh Huỳnh	01/05/2006	CCQ2411D	1973	Huynh	6,0	3,2	4,3	
22	2124110074	Lê Duy Kha	04/10/2006	CCQ2411C	1974	Duykha	7,5	5,4	6,2	
23	2124110095	Nguyễn Kha	01/08/2006	CCQ2411C	1971	Kha	7,6	4,8	5,9	
24	2124110096	Châu Minh Khoa	07/04/2006	CCQ2411C	1974	Khoa	8,9	5,2	6,7	
25	2124110139	Ngô Minh Khôi	13/08/2006	CCQ2411D	1971	Khoi	8,3	5,8	6,8	
26	2122110362	Bùi Duy Kiên	10/09/2004	CCQ2211J	1974	Kien	8,5	6,4	7,2	
27	2124110091	Nguyễn Lương Kiệt	02/11/2006	CCQ2411C	1971	Kiet	6,4	6,0	6,2	
28	2124110132	Trần Thế Kiệt	25/11/2006	CCQ2411D	1974	Thien	6,9	4,6	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460802)

Ngày thi: 05/05/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 30..

Số bài thi:30..

Số tờ giấy thi: 30..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124110089	Võ Anh Kiệt	22/09/2006	CCQ2411C	1971	Kiệt	10,0	7,2	8,3	
30	2124110334	Huỳnh Nhật Lâm	01/11/2006	CCQ2411C	1972	Lâm	10,0	8,0	8,8	
31	2124110120	Phạm Huỳnh Nhật Lâm	08/12/2006	CCQ2411D	1973	Lam	4,4	4,6	4,5	
32	2124110129	Nguyễn Ngọc Lầu	28/02/2002	CCQ2411D	1974	Lầu	10,0	8,8	9,3	
33	2124110134	Trần Hoàng Lin	12/09/2006	CCQ2411D	1971	Lin	9,8	6,4	7,8	
34	2124110123	Nguyễn Phi Long	24/04/2006	CCQ2411D			3,8			